TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 18/02/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Bà **Đinh Thị Phương Lan**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Không.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 358/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Số 201, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh K.

* ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh K.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông **Châu Thanh R**, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Số 201, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh K.

Bà Lê Thị Thu L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Ông Nguyễn Thành T cư trú tại: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh K, hành nghề thu mua lúa tươi. Vào khoảng tháng 02/2024 (âm lịch) ông Nguyễn Thành T có thu mua lúa tươi của bà Trần Thị L và ông Châu Thanh R còn nợ lại tổng số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Qua 03 lần thanh toán tiền, ông T mới thanh toán cho bà L số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng). Số tiền còn nợ lại bà L là 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng), ông T viết giấy Cam kết hứa đến ngày 28/05/2024 sẽ trả cho bà L. Tuy nhiên khi đến thời hạn trả nợ, ông T không thực hiện như cam kết, không trả nợ cho bà L số tiền 115.000.000 đông. Sau đó, bà L đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại với ông T và yêu cầu ông T trả tiền nợ cho nhưng ông T chỉ hứa qua loa và cố tình chiếm đoạt số tiền nợ 115.000.000 đồng của bà L. Đến ngày 23/07/2024, bà L làm đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp Tràm Dưỡng, xã Mỹ Phước giải quyết vụ việc. Đến ngày 31/08/2024, Ban lãnh đạo ấp Tràm Dưỡng tiến hành hòa giải vụ việc nhưng bất thành. Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thành T trả số tiền nợ 115.000.000 đồng.

Tại phiên toà hôm nay bà Trần Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất giải quyết buộc ông Nguyễn Thành T và Lê Thị Thu L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ gốc là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng). Bà L không yêu cầu tính lãi và phải trả tiền 02 lần. Ngoài ra, bà L không yêu cầu gì thêm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ông Nguyễn Thành T cư trú tại: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh K, hành nghề thu mua lúa tươi (là hay còn gọi là Cò thu mua lúa). Vào khoảng tháng 02/2024 (Âm lịch) ông T có thu mua lúa tươi của bà Trần Thị L và ông Châu Thanh R tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng). Sau đó, ông T trả cho bà L, ông R được 900.000.000 đồng, còn nợ bà L, ông R với số tiền mua lúa là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Qua 03 lần thanh toán tiền, ông T chỉ mới

thanh toán cho bà L, ông R thêm số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng), còn nợ lại bà L, ông R số tiền 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng). Ông T viết giấy Cam kết hứa đến ngày 28/05/2024 sẽ trả cho bà L, ông R. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ, do không có tiền nên ông T chưa trả cho bà L, ông R số tiền trên. Đến ngày 31/08/2024, Ban lãnh đạo ấp Tràm Dưỡng tiến hành hòa giải vụ việc nhưng không thành.

Tại phiên toà hôm nay bà Trần Thị L yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành T và vợ là Bà Lê Thị Thu L phải trả số tiền mua lúa còn nợ là 115.000.000 đồng thì ông T cũng đồng ý trả. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông T xin trả dần số tiền trên cho bà L, ông R mỗi tháng 10.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Vợ ông Nguyễn Thành T là Bà Lê Thị Thu L biết rõ vụ án, được Toà án triệu tập tham gia giải quyết vụ án nhưng do bận công việc gia đình và có con nhỏ nên không đến Toà án được. Chị Lê Thị Thu L cũng đồng ý trả nợ nhưng cũng xin trả dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Ngoài ra, ông T không trình bày gì thêm.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Thanh R trình bày:* Ông R hoàn toàn thống nhất với ý kiến của vợ ông là bà Trần Thị L nêu trên và không có ý kiến gì thêm.

* *Quá trình giải quyết vụ án:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị Thu L trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Linh nhưng bà Linh vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L thì quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do bị đơn ông Nguyễn Thành T có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị Thu L được Tòa án triệu tập hợp lệ tới lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của bà L không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định như sau: Vào tháng 02/2024 Âm lịch ông Nguyễn Thành T có thu mua lúa tươi của bà Trần Thị L và ông Châu Thanh R. Tổng số tiền ông T thu mua của bà L, ông R là 1.100.000.000 đồng, ông T trả cho bà L, ông R được số tiền 985.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 115.000.000 đồng thì ngưng trả nợ. Sau đó, bà L, ông R có tiến hành đòi nợ nhiều lần nhưng ông T và vợ là bà Lê Thị Thu L chỉ hứa hẹn nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đúng sự thật khách quan và được các bên thừa nhận nên đây là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị L yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thành T và Bà Lê Thị Thu L trả số tiền nợ mua lúa gốc là 115.000.000 đồng thì ông T cũng đồng ý trả nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay bà Trần Thị L không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền gốc mà ông T nợ nêu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu xin được trả dần số tiền nợ gốc là 115.000.000 đồng, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng của bị đơn ông Nguyễn Thành T. Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị L không đồng ý yêu cầu xin trả dần của bị đơn ông Nguyễn Thành T. Căn cứ theo quy định tại mục 1, phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính thì Tòa án không tự ấn định thời hạn trả nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của ông T.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án thì các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 37, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, Điều 431, Điều 440, Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L đối với ông Nguyễn Thành T và Bà Lê Thị Thu L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Thành T và Bà Lê Thị Thu L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Thị L và ông Châu Thành R tổng số tiền gốc là 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi triệu đồng).

- Bà Trần Thị L là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên không xử lý tiền tạm ứng án phí trong vụ án này.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*
- *THA huyện Hòn Đất;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thanh Sang